

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu M, sinh năm 1990 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: (Không xác định được bố) và bà Nguyễn Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, biện pháp quản lý tại gia đình; bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ ngày 25/01/2018, tạm giam ngày 31/01/2018 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Hương Gi, sinh năm 1990; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công M1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Trần Đ1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Yên Nội 3, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Nguyễn Đức Th1, sinh ngày 05/11/2000; nơi cư trú: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Cụm 3, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Ngọc Duy Ph, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã X, huyện ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Cụm 8, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Hữu M đã nảy sinh ý định mượn xe máy để đi cầm cố lấy tiền. Khoảng 18 giờ ngày 06/10/2017, M đến nhà chị Nguyễn Thị Hương Gi, sinh năm 1990 ở Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, hỏi mượn chị Gi chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 30X3-4013, M nói với chị Gi “cho anh mượn xe để anh ra chờ lúa”. Việc M nói như vậy là để chị Gi tin tưởng giao xe cho M. Sau đó, chị Gi đã đưa chìa khóa cho M, rồi M rủ Nguyễn Đ2 Th1, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1995 đều ở Cụm 3, xã L, huyện Đ đi đến quán nhà anh Trần Đ1, sinh năm 1983 ở Cụm 9, xã T, huyện Đ cầm cố chiếc xe máy trên. M có nhờ Th1 đứng ra cầm cố hộ xe máy thì Th1 đồng ý. Trên đường đi đến quán cầm đồ, Th1 gọi điện cho Trần Đ1 nói cầm chiếc xe, Đ1 đồng ý với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, do không có ở quán nên Đ1 gọi điện cho Nguyễn Ngọc Duy Ph, sinh năm 1990 ở X, ĐT, tỉnh Quảng Ninh (là nhân viên ở quán của Đ1) bảo Ph cầm cố xe máy cho Th1 và đưa cho Th1 1.750.000 đồng, còn giữ lại 250.000 đồng tiền lãi cắt trước 10 ngày. Khi đến quán của Trần Đ1 thì Th1 cầm cố xe máy cho Ph lấy 1.750.000 đồng, rồi đưa tiền cho M. Th1 có vay của M 300.000 đồng trong số tiền 1.750.000 đồng vừa cầm cố được để chi tiêu cá nhân. Sau đó vài ngày thì Th1 đã trả lại cho M số tiền vay. Số tiền cầm cố xe máy trên, M đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Hữu C, sinh năm

1984 ở Cụm 2, xã L (là chồng chị Gi) đi làm về và được chị Gi kể lại sự việc. Sau đó, anh C gọi điện cho M không nhưng được, đi tìm không gặp được M nên sáng ngày 09/10/2017 anh C đã làm đơn trình báo Công an đồn H, huyện Đ. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M điện thoại cho anh C nói là mang 2.000.000 đồng đến T để chuộc xe máy. Khi M đang đợi ở cửa quán của anh Đ1 thì Công an đồn H triệu tập M về trụ sở làm việc và thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Masstel có thuê bao 01626 496 786 của M. Cùng ngày, Trần Đ1 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 30X3-4013 cho cơ quan Công an.

Ngoài ra, quá trình điều tra làm rõ: Khoảng 20 giờ ngày 19/9/2017, Nguyễn Hữu M đang chơi điện tử tại quán Internet ở xã T cùng bạn gái tên là H1 (quen qua mạng), không rõ địa chỉ tên tuổi cụ thể thì hết tiền nên M đã nảy sinh ý định mượn xe máy đi cầm cố lấy tiền. M đã điện cho Nguyễn Công M1, sinh năm 1990 ở Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đến đón về nhà. Nguyễn Công M1 điều khiển chiếc xe máy biển kiểm soát 29X3-09291 đến quán Internet trên đón Nguyễn Hữu M. Khi đến nơi, Nguyễn Hữu M đã nói với Nguyễn Công M1 “Mày ngồi đây chơi cho tao mượn xe chở người yêu bắt xe về”, Nguyễn Hữu M nói vậy để Nguyễn Công M1 tin tưởng giao xe máy thì Nguyễn Công M1 đồng ý cho Nguyễn Hữu M mượn xe máy trên. Sau đó, Nguyễn Hữu M điều khiển chiếc xe máy trên chở bạn gái ra bến xe rồi ra Cổ Nhuế chơi mà không về trả xe cho Nguyễn Công M1. Đến chiều ngày 20/9/2017, Nguyễn Hữu M gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn Đ2 cầm cố giúp M chiếc xe máy trên thì Đ2 đồng ý. Sau đó, Nguyễn Hữu M điều khiển chiếc xe máy về xã T gặp Đ2, rồi cùng Đ2 đến quán cầm cố cho Trần Đ1 với số tiền 4.000.000 đồng (do M bị mất chứng minh thư nên Đ2 đứng tên cầm cố chiếc xe máy trên giúp M). Số tiền cầm cố chiếc xe máy, M chi tiêu cá nhân hết. Nguyễn Công M1 nhiều lần gọi điện cho Nguyễn Hữu M đòi xe máy nhưng Nguyễn Hữu M không trả nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Đến ngày 01/11/2017, Công an huyện Đ đã thu giữ đối với Trần Đ1 chiếc xe máy và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ2.

Ngày 20/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 30X3-4013, số máy 066 222, số khung 066 224 đã qua sử dụng có trị giá 7.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc đen, biển kiểm soát 29X3-092 91, số máy C12E-3328826, số khung 1209BY528802 đã qua sử dụng có trị giá 12.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hữu M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa trình bày luận tội giữ

nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố Nguyễn Hữu M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tài sản và không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại bị cáo M 01 chiếc điện thoại di động Masstel có số thuê bao 01626 496 786.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu M khai nhận do không có tiền để chơi game và chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Hữu M đã nói dối chị Nguyễn Thị Hương Gi và anh Nguyễn Công M1 để những người này cho Nguyễn Hữu M mượn xe máy. Sau đó, Nguyễn Hữu M đã đem những chiếc xe máy mượn được đi cầm cố cho Trần Đ1 để lấy tiền chi tiêu. Bị cáo thấy ân hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th xác nhận số tiền bà Th trả cho anh Trần Đ1 5.750.000 đồng là tiền của bị cáo M đi làm được có gửi bà Th để trả cho anh Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên về thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã thực hiện trình tự, nội dung ban hành các văn bản và quyết định tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu M khai nhận phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời khai của bị cáo cũng được chứng minh bằng lời khai của những người bị hại và các tài liệu điều tra khác, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 06/10/2017, Nguyễn Hữu M đến nhà chị Nguyễn Thị Hương Gi ở Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, hỏi mượn chị Gi chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 30X3-4013, trị giá 7.000.000 đồng, nói là đi chở lúa nhưng sau khi mượn được xe, M cùng Th1 và Nguyễn Văn Đ2 mang đi cầm cố cho anh Trần Đ1 lấy số tiền 1.750.000 đồng. Ngoài ra, ngày 19/9/2017 thì Nguyễn Hữu M còn hỏi mượn anh Nguyễn Công M1 ở Cụm 2, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội chiếc xe máy biển kiểm soát 29X3-09291, có trị giá 12.500.000 đồng, nói là chở bạn gái ra bến xe nhưng sau đó M đã cùng Nguyễn Văn Đ2 mang đi cầm cố cho anh Trần Đ1 lấy số tiền 4.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm cố hai chiếc xe trên, Nguyễn

Hữu M sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, Nguyễn Hữu M đã có hành vi dùng lời nói gian dối để mượn xe của chị Nguyễn Thị Hương Gi và anh Nguyễn Công M1, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặc dù hành vi của bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nhưng so sánh mức hình phạt được quy định trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điều luật của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 là như nhau. Nay Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực thi hành, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và các quy định của Bộ luật hình sự 2015 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu M là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự trị an xã hội mà còn trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp công dân, được pháp luật bảo vệ. Về nhân thân bị cáo đã từng bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã nhưng bị cáo không có sự sửa chữa. Trong thời gian ngắn, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều đó cũng thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, không hề có ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân thành người lương thiện mà ngày càng đi sâu vào con đường phạm tội. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là rất cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo cùng với gia đình đã tự bồi thường tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo về hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Hữu M không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Đức Th1 là những người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu M cầm cố 02 chiếc xe máy do M chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hương Gi và anh Nguyễn Công M1; Trần Đ1 và Nguyễn Ngọc Duy Ph là những người có hành vi nhận cầm cố 02 chiếc xe máy trên, quá trình điều tra xác định Đ2, Th1, Đ1 và

Ph không biết nguồn gốc những chiếc xe cầm cố là tài sản do Nguyễn Hữu M phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hình sự.

[4] Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 30X3-4013, số máy 066 222, số khung 066 224 đã qua sử dụng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc đen, biển kiểm soát 29X3-09291, số máy C12E-3328826, số khung 1209BY528802 đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là vợ chồng chị Nguyễn Thị Hương Gi, anh Nguyễn Hữu C và trao trả cho anh Nguyễn Công M1. Vợ chồng chị Gi và anh Nguyễn Công M1 không yêu cầu gì về dân sự nên không phải xem xét.

Bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Hữu M đã dùng tiền của bị cáo để hoàn trả lại số tiền 5.750.000 đồng (bà Th khai là tiền của M gửi bà Th trước đó), mà bị cáo nhận của anh Trần Đ1. Anh Đ1 không có yêu cầu gì về dân sự nên không phải xem xét.

Đối với 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ2 đã được trả lại cho Nguyễn Văn Đ2. Vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động Masstel có số thuê bao 01626 496 786 thu giữ của Nguyễn Hữu M, tài sản này bị cáo không sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu M 16 (Mười sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 25/01/2018.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự; nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Nguyễn Hữu M 01 chiếc điện thoại di động Masstel A 130 màu xanh đen, có lắp sim số thuê bao 01626 496 786 (Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao, nhận vật chứng

ngày 29/3/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội).

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền